

Bản án số: **60/2021/DS-ST**.

Ngày: 28-6-2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 408/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS ngày 10/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: 201-203 CMT 8, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức L; Ông Vũ Văn L; Địa chỉ: số 168 LHP, phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

**/ Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1985 và bà Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn 09 (12 cũ), xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Ngày 05/6/2017, ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0755/2017/502-CV ngày 05/6/2017 để vay tiền của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01/SĐ-0755/2017/502-CV ngày 30/06/2017; Khế ước nhận nợ số: 04/GNN-0755/2017/502-CV ngày 15/06/2019 với Ngân hàng TMCP N để vay của Ngân

hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Lãi suất: 11%/năm; Lãi suất sẽ do Ngân hàng N quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày nhận nợ: 15/06/2019; Ngày đến hạn: 15/06/2020; Phương thức trả nợ: Trả lãi vay: Vào ngày 15/12/2019 và ngày 15/06/2020; Trả nợ gốc: Hoàn trả toàn bộ số dư nợ gốc một lần vào ngày 15/6/2020; Mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục sản xuất nông nghiệp (Chăm sóc Cà Phê, trồng Tiêu mới, mua công cụ sản xuất nông nghiệp, chi phí khác...)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc và lãi nào.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bao gồm: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 01, diện tích 11100.4 m²; địa chỉ thửa đất thôn ĐS 2, xã ĐH, huyện S, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 398553, số vào sổ cấp GCN: CS00765 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 24/05/2017 và Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 37, diện tích 420 m²; địa chỉ thửa đất xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 318766, số vào sổ cấp GCN: CS06407 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 21/06/2017, đứng tên ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 28/6/2021 là: 918.963.253 đồng (*Chín trăm mười tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Nợ lãi trong hạn: 80.837.315 đồng (*Tám mươi triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm đồng*); Tiền chậm trả lãi: 10.356.760 đồng (*Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*); Lãi quá hạn: 127.769.178 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp đến hạn ông C và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bao gồm: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 01, diện tích 11100.4 m²; địa chỉ thửa đất thôn ĐS 2, xã ĐH, huyện S, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 398553, số vào sổ cấp GCN: CS00765 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 24/05/2017 và Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 37, diện tích 420 m²; địa chỉ thửa đất xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 318766, số vào sổ cấp GCN: CS06407 được Sở tài nguyên và

môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 21/06/2017, đứng tên ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy C trình bày trong quá trình làm việc:

Vào năm 2017 ông bà có thể chấp cho Ngân hàng hai quyền sử dụng đất để vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), đến hạn ông bà chưa thanh toán do làm ăn thua lỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 918.963.253 đồng (*Chín trăm mười tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Nợ lãi trong hạn: 80.837.315 đồng (*Tám mươi triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm đồng*); Tiền chậm trả lãi: 10.356.760 đồng (*Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*); Lãi quá hạn: 127.769.178 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp ông Nguyễn Duy C, bà Hoàng Thị Thanh L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn phải chịu chi phí xác minh do Nguyên đơn có đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 9, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh tại Công an xã R thể hiện: ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 09, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông; ông bà có mặt tại địa phương nhưng không hợp tác để giải quyết vụ án, việc vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0755/2017/502-CV ngày 05/6/2017 để vay tiền giữa Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk và ông Nguyễn Duy C, bà Hoàng Thị Thanh L; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01/SĐ-0755/2017/502-CV ngày 30/06/2017; Khế ước nhận nợ số: 04/GNN-0755/2017/502-CV ngày 15/06/2019 với Ngân hàng TMCP N để vay của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk vay số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Lãi suất: 11%/năm; Lãi suất sẽ do Ngân hàng N quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày nhận nợ: 15/06/2019; Ngày đến hạn: 15/06/2020; Phương thức trả nợ: Trả lãi vay: Vào ngày 15/12/2019 và ngày 15/06/2020; Trả nợ gốc: Hoàn trả toàn bộ số dư nợ gốc một lần vào ngày 15/6/2020; Mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục sản xuất nông nghiệp (Chăm sóc cà phê, trồng tiêu mới, mua công cụ sản xuất nông nghiệp, chi phí khác...). Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2020, khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 5 của hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc là: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là ngày 28/6/2021, nợ lãi trong hạn: 80.837.315 đồng; Tiền chậm trả lãi: 10.356.760 đồng; Lãi quá hạn: 127.769.178 đồng, ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ kể từ ngày 15/6/2019 cho đến khi trả xong nợ.

2.2. Đối với tài sản thế chấp:

Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 01, diện tích 11100.4 m²; địa chỉ thửa đất thôn ĐS 2, xã ĐH, huyện S, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 398553, số vào sổ cấp GCN: CS00765 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 24/05/2017 và Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 37, diện tích 420 m²; địa chỉ thửa đất xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 318766, số vào sổ cấp GCN: CS06407 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 21/06/2017, đứng tên ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L được công chứng tại Văn phòng công chứng VMV số 5292, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/6/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp ngày 30/6/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng VMV số 6214, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2017 và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/4/2021 xác định các thửa đất số 83 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn ĐS 2, xã ĐH, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Đứng tên ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2021 xác định các thửa đất số 36 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại thôn 9, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Đứng tên ông Nguyễn

Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

3. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

4. Về các chi phí tố tụng khác: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) chi phí xác minh thu thập chứng cứ được khấu trừ vào số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) đã nộp tạm ứng.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 3; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2021) là: 918.963.253 đồng (*Chín trăm mười tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Nợ lãi trong hạn: 80.837.315 đồng (*Tám mươi triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm đồng*); Tiền chậm trả lãi: 10.356.760 đồng (*Mười triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*); Lãi quá hạn: 127.769.178 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/6/2021), ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến

khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 01, diện tích 11100.4 m²; địa chỉ thửa đất thôn ĐS 2, xã ĐH, huyện S, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 398553, số vào sổ cấp GCN: CS00765 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 24/05/2017 và Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 37, diện tích 420 m²; địa chỉ thửa đất xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 318766, số vào sổ cấp GCN: CS06407 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày: 21/06/2017, đứng tên ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L phải nộp số tiền 39.568.898 đồng (*Ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm chín mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 18.233.000 đồng (*Mười tám triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai số 0003796 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Duy C và bà Hoàng Thị Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

5. Về chi phí xác minh thu thập chứng cứ: Ngân hàng TMCP N phải chịu số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và được khấu trừ vào số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tạm ứng chi phí đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh